UBND QUẬN LONG BIÊN
**TRƯỜNG THCS ÁI MỘ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Long Biên, ngày 23 tháng 4 năm 2023*

# BIÊN BẢN
## Tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong nhà trường
## Năm học 2022-2023

* Thời gian: 9 giờ 05 ngày 23 tháng 4 năm 2023
* Địa điểm: Phòng Hội đồng - Trường THCS Ái Mộ
* Thành phần:

1. Chủ trì: Bà Phạm Thị Hải Vân — Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Thư ký: Bà Nguyễn Minh Hạnh — Chức vụ: Thư ký Hội đồng
3. Thành phần khác:

- Bà Ngô Thị Bích Liên — Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn — Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Bà Hồ Mai Thuý — Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn
- Bà Lê Thị Loan — Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn
- Bà Doãn Thị Xuân Thanh — Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc — Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn
- Ông Đoàn Tiến Dũng — Chức vụ: Nhân viên CNTT

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-PGDĐT Quận Long Biên ngày 02/ 3/2023 về việc Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên quận Long Biên (gọi chung là cơ sở giáo dục) nămhọc 2022 - 2023, Trường THCS Ái Mộ đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đổi số trong nhà trường theo quy định.

Kết quả tự đánh giá, xếp loại như sau:

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | **100** | | **87** | |
| 1.1. | Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm) | | Điều kiện bắt buộc | | - Kế hoạch số 31/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc triển khai mô hình Trường học điện tử, chương trình chuyển đổi số, trường học thông minh năm học 2022-2023.<br>- Kế hoạch số 33/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2022-2023. |
| 1.2. | Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến | | Điều kiện bắt buộc | | |
| 1.3. | Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:<br>- Có triển khai phần mềm dạy | 30 | *Tối đa 6 điểm* | **Tổng điểm:**<br>30 | - Microsoft Teams (LMS): có hợp đồng thuê hàng năm. |

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| | học trực tuyến trực tiếp (ghi tên) | | | Mức độ 1: dưới 10 điểm<br>Mức độ 2: từ 10 -20 điểm<br>Mức độ 3: trên 20 điểm | - Zoom<br>- OLM<br>- Hanoistudy<br>- Kahoot<br>- Giáo viên giao bài cho học sinh tự học trên hệ thống Microsoft Teams, OLM, HanoiEdu<br>- Giáo viên hỗ trợ trực tuyến trên hệ thống: Microsoft Teams<br>- Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Microsoft Teams<br>- Có hỗ trợ PHHS tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh: Microsoft Teams, Sổ liên lạc điện tử EnetViet |
| | - Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua).<br>- Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:<br>(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học;<br>(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh;<br>(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên;<br>(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh. | | *Tối đa 24 điểm, mỗi chức năng triển khai tối đa 6 điểm.* | | |
| 1.4. | Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt). | 10 | *- Ít hơn 20 học liệu: tối đa 3 điểm.*<br>*- Ít hơn 40 học liệu: tối đa 6 điểm.*<br>*- Nhiều hơn 40 học liệu: tối đa 10 điểm* | **Tổng điểm:** 10<br>Mức độ 1: dưới 4 điểm<br>Mức độ 2: từ 4 - 6 điểm<br>Mức độ 3: trên 7 điểm | 220 Học liệu số https://drive.google.com/drive/folders/0B6Ykrmsz3-Evbk5nc1FTcVUxVkk?resourcekey=0-z8qozgNVDOhECHNXm3qIkQ&usp=share_link |
| 1.5. | Có tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm) | 20 | *Tối đa 15 điểm* | **Tổng điểm:** 7<br>Mức độ 1: dưới 8 điểm<br>Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm | Nhà trường đã đầu tư cơ sở hạ tầng để kết nối mạng Lan giữa các phòng thực hành tin học. Phần mềm quản lý Lan Netop School. Tuy nhiên, do hệ thống máy tính được đầu tư không đồng bộ, máy tính chập chờn do cấu hình thấp, đã sử dụng lâu năm; phần mềm tổ chức và quản lý chưa chạy ổn định trên hệ điều hành mới nên việc tổ chức kiểm tra, đánh giá thông qua mạng Lan chưa thể thực hiện. |
| | Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường | | *Tối đa 5 điểm* | | |
| 1.6. | Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số:<br>- Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi | 20 | *<30%: tối đa 2 điểm;*<br>*30%-60%: tối đa 4 điểm;*<br>*>60%: tối đa* | **Tổng điểm:** 20<br>Mức độ 1: dưới 8 điểm | - 100%: giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng |

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| | dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu | | *7 điểm* | Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm | -70% giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học<br>- 65% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử |
| | - Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học | | *<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 7 điểm* | | |
| | - Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử | | *<30%: tối đa 2 điểm; 30%-60%: tối đa 4 điểm; >60%: tối đa 6 điểm* | | |
| 1.7. | Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:<br>- Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học | 20 | *<20%: tối đa 2 điểm; 20%-60%: tối đa 5 điểm; >60%: tối đa 8 điểm* | **Tổng điểm:**<br>20<br>Mức độ 1: dưới 8 điểm<br>Mức độ 2: từ 8 - 14 điểm<br>Mức độ 3: trên 14 điểm | - Tổng số 35 phòng học thông thường, phòng học bộ môn chiếm tỉ lệ 100% phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet<br>- Mức độ 3 (Phòng thực hành tin học có 48 máy tính học sinh và 01 máy tính giáo viên)<br>- Mặc dù diện tích và số lượng phòng học, phòng làm việc còn hạn chế, nhưng nhà trường vẫn cố gắng bố trí phòng Studio gồm máy tính cấu hình cao, camera, micro và loa để phục vụ các công tác xây dựng học liệu số, làm video clip,... |
| | - Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học[1] | | *Mức độ 1: tối đa 2 điểm; Mức độ 2: tối đa 5 điểm; Mức độ 3: tối đa 7 điểm* | | |
| | - Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử) | | *Tối đa 5 điểm* | | |
| **Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong dạy học** | | | | **87** | |
| **2.** | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục** | **100** | | **90** | |
| 2.1. | Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại) | | Điều kiện bắt buộc | | - Quyết định 73/QĐ-THCS ngày 23/09/2022 về việc thành lập ban chỉ đạo quản lý và điều hành mô hình trường học điện tử, chuyển đổi số, trường học thông minh năm học 2022-2023-Quyết định |

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Triển khai " Mô hình trường học điện tử", chương trình chuyển đổi số, Trường học thông minh năm học 2022-2023 |
| 2.2. | Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | | Điều kiện bắt buộc | | - Kế hoạch số 24/KH-THCS ngày 3/9/2022 về việc đổi mới sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn theo định hướng kiểm tra, đánh giá PTNLHS (có ứng dụng mô hình Trường học điện tử năm học 2022-2023.<br>- Kế hoạch số 31/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc triển khai mô hình Trường học điện tử, chương trình chuyển đổi số, trường học thông minh năm học 2022-2023.<br>- Kế hoạch số 33/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2022-2023.<br>- Kế hoạch số 45/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc tập huấn khai thác mô hình Trường học điện tử, chương trình chuyển đổi số, trường học thông minh năm học 2022-2023.<br>- Kế hoạch số 48/KH-THCS ngày 23/9/2022 về việc thực hiện giáo dục STEM và hoạt động nghiên cứu khoa học cho học sinh năm học 2022-2023. |
| 2.3. | Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường (cung cấp thông tin: tên giải pháp, tự xây dựng/mua/thuê):<br>- Có ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường | 70 | *Tối đa 8 điểm* | **Tổng điểm:**<br>70<br>Mức độ 1: dưới 20 điểm<br>Mức độ 2: từ | - Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường thông qua phần mềm CSDL ngành.<br>- Quyết định 71/QĐ-THCS ngày 23/09/2022 về việc thành lập ban chỉ |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý | | *Tối đa 8 điểm* | | |

| STT | Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm thành phần | Mức độ | Ghi chú, minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| | học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập) | | | 20-50 điểm<br>Mức độ 3: trên 50 điểm | đạo phần mềm quản lý trường học, chuyển đổi số, trường học thông minh năm học 2022-2023 |
| | - Có triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử | | *File PDF: tối đa 3 điểm;*<br>*Áp dụng chứng thư số: tối đa 10 điểm* | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV | | *Tối đa 8 điểm* | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất | | *Tối đa 10 điểm* | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh | | *Tối đa 10 điểm* | | |
| | - Có triển khai phân hệ quản lý kế toán | | *Tối đa 8 điểm* | | |
| | - Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý) | | *Tối đa 8 điểm* | | |
| 2.4. | Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến:<br>- Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) | 30 | *Tối đa 8 điểm* | **Tổng điểm:**<br>20<br>Mức độ 1: dưới 10 điểm<br>Mức độ 2: từ 10-18 điểm<br>Mức độ 3: trên 18 điểm | - Có triển khai phần mềm CSDL ngành, phần mềm Sổ liên lạc điện tử thông qua ứng dụng EnetViet<br>- Có triển khai phần mềm Tuyển sinh đầu cấp trực tuyến của ngành |
| | - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến: | | *Tối đa 12 điểm* | | |
| | - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt | | *Tối đa 10 điểm* | | |
| **Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số trong quản trị CSGD** | | | | **90** | |
| **Tổng điểm đánh giá và mức độ chuyển đổi số** | | | **177** | **Mức độ 1: ☐**<br>**Mức độ 2: ☐**<br>**Mức độ 3: ☒** | |

*** Tự nhận xét, đánh giá:**

- Ưu điểm:

+ Chuyển đổi số tạo ra môi trường giáo dục linh động; Tăng tính tương tác và trải nghiệm thực tế; Nâng cao chất lượng giáo dục; Chuyển đổi số giúp giảm chi phí đào tạo, học tập.

+ Tạo ra kho học liệu mở khổng lồ cho giáo viên và học sinh, giáo viên và học sinh có thể truy cập vào các tài nguyên học tập một cách dễ dàng và ít tốn kém hơn. Học liệu điện tử thay thế dần học liệu truyền thống giúp giảm thiểu chi phí giảng dạy, học tập.

- Tồn tại, hạn chế: Việc chuyển đổi số còn nhiều hạn chế trong việc tiếp cận, chưa được tập huấn chuyên sâu do các tài liệu, định nghĩa về chuyển đổi số còn

hạn chế. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị CNTT thiếu, hỏng và cũ cũng là hạn chế lớn trong quá trình chuyển đổi số.

Kết quả đánh giá, xếp loại trên đã được tất cả các thành viên của Hội đồng tự đánh giá nhất trí và ký tên vào biên bản.

Buổi tự đánh giá kết thúc vào hồi 9 giờ 45 ngày 23/4/2023.

| THƯ KÝ | HIỆU TRƯỞNG |
| --- | --- |
| Nguyễn Minh Hạnh | Phạm Thị Hải Vân |

**CÁC THÀNH VIÊN KHÁC**

- Bà Ngô Thị Bích Liên
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn
- Bà Hồ Mai Thuý
- Bà Lê Thị Loan
- Bà Doãn Thị Xuân Thanh
- Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc
- Ông Đoàn Tiến Dũng